

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

**“VẬN DỤNG KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM CỦA PISA
VÀO ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU MÔN NGỮ VĂN LỚP 10 THPT”**

Lĩnh vực/ Môn : Ngữ Văn

Cấp học : THPT

Tên tác giả : ĐINH THỊ GIANG

Đơn vị công tác: Trường THPT Hợp Thanh

Chức vụ : Giáo viên

NĂM HỌC 2023 – 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi: - Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

- Hội đồng chấm SKKN cấp ngành

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên sáng kiến
Đinh Thị Giang	28/01/1989	Trường THPT Hợp Thanh	Giáo viên	Cử nhân	Vận dụng kĩ thuật xây dựng câu hỏi trắc nghiệm của PISA vào đánh giá năng lực đọc hiểu môn Ngữ văn lớp 10 THPT.

- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Ngữ văn
- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu: 04/10/2021
- Mô tả bản chất của sáng kiến: Các bước thực hiện giải pháp
- + Lớ p đổi chứng

Các tiết dạy học về chủ đề Đọc hiểu văn bản, luyện tập, kiểm tra thường xuyên trên lớp bằng hình thức tự luận là chính.

+ Lớ p thực nghiệm

➤ Trong khi dạy chủ đề Đọc hiểu văn bản, giáo viên vận dụng kĩ thuật xây dựng câu hỏi TNKQ của PISA vào thực hành và làm 1 bài kiểm tra hoàn toàn bằng hình thức TNKQ

➤ Nội dung chủ đề ***Vận dụng kĩ thuật xây dựng câu hỏi trắc nghiệm vào đánh giá năng lực đọc hiểu môn Ngữ văn lớp 10 THPT*** bám sát Khung KHDH chính khóa theo tinh thần Công văn 3280/BGDĐT- GDTrH ngày 27/8/2020 và Công văn 4040/BGDĐT – GDTrH ngày 16/9/2021 và KHDH chuyên đề học kì I (HKI) năm học 2023 – 2024.

+ Các chủ đề dạy học thực hiện trong chương trình lớp 10, HKI và đầu học kì II (HKII) năm học 2023 – 2024 bao gồm:

- VB thân thoại
- VB thơ hiện đại
- Văn bản nghị luận
- Thực hành tiếng Việt: Lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa
- Thực hành tiếng Việt: Lỗi mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản: Dấu hiệu nhận biết và cách sửa.

- Những thông tin cần được bảo mật (nếu có): Không
- Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến: Sáng kiến được áp dụng đại trà với học sinh lớp 10 Ban cơ bản.
- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:
 - + Tạo ra hứng thú cho HS: Việc thực hành, kiểm tra, đánh giá bằng hình thức Tự luận hoàn toàn ít nhiều gây nhàm chán. Thực hành, kiểm tra, đánh giá bằng hình thức TNKQ theo định hướng phát triển năng lực của HS tạo điều kiện để HS làm quen, chuẩn bị kỹ năng và kiến thức với hình thức đánh giá năng lực của các trường ĐH trên cả nước, cũng như các kì thi, khảo sát khác trong khu vực và trên thế giới. Ví dụ như kì thi đánh giá năng lực của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, trường Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, ...
 - + Tăng tính khách quan trong kiểm tra/đánh giá HS.

Danh sách những người đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu:

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nội dung công việc hỗ trợ
1	Ngô Thị Hương	10/10/1981	Trường THPT Hợp Thanh	Giáo viên	Thạc sĩ	Áp dụng SKKN
2	Đinh Thị Huyền	24/07/1993	Trường THPT Hợp Thanh	Giáo viên	Cử nhân	Áp dụng SKKN

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hợp Thanh, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người nộp đơn



Đinh Thị Giang

THPT HỢP THANH
HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

Họ tên tác giả: Đinh Thị Quang
Tên đề tài: Vận dụng kỹ thuật xây dựng câu hỏi trắc nghiệm của PISA vào đánh giá năng lực đọc hiểu môn Ngữ Văn lớp 10 T.H.P.T..... Lĩnh vực: Ngữ Văn

STT	Tiêu chuẩn	Điểm SKKN
1	Sáng kiến có tính mới	
1.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	26
1.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	
1.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	
1.4	Không có tính mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước đây	

Nhận xét:
Sáng kiến có nhiều điểm mới được áp dụng đầu tiên

2	Sáng kiến có tính áp dụng	
2.1	Có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn ngành hoặc rộng hơn	
2.2	Có khả năng áp dụng trong đơn vị và có thể nhân ra một số đơn vị có cùng điều kiện	20
2.3	Có khả năng áp dụng trong đơn vị	
2.4	Không có khả năng áp dụng trong đơn vị	

Nhận xét:
Sáng kiến có khả năng áp dụng trong đơn vị và các đơn vị khác

3	Sáng kiến có tính hiệu quả	
3.1	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội, có tính lan tỏa	28
3.2	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội	
3.3	Có hiệu quả, lợi ích phù hợp với mức độ phù hợp tại đơn vị	
3.4	Không có hiệu quả cụ thể	

Nhận xét:
Sáng kiến có tính hiệu quả cao

4	Điểm trình bày	
4.1	Trình bày khoa học, hợp lý	8
4.2	Trình bày chưa khoa học, chưa hợp lý	

Nhận xét:
Trình bày khoa học, hợp lý

Tổng cộng: 82

Đánh giá: ☒ Đạt (≥ 70 điểm) ☐ Không đạt

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CƠ SỞ



Nguyễn Khắc Thuật

MỤC LỤC

PHẦN A. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
I. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI	1
1. Cơ sở lí luận	1
2. Cơ sở thực tiễn	2
II. MỤC ĐÍCH CỦA ĐỀ TÀI	3
III. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU	4
IV. THỜI GIAN NGHIÊN CỨU	4
V. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	4
VI. PHẠM VI NGHIÊN CỨU, ÁP DỤNG	5
PHẦN B. NỘI DUNG	6
I. NỘI DUNG LÝ LUẬN	6
1. Một số nét khái quát về PISA và Lĩnh vực Đọc hiểu	6
2. Năng lực và thang đo năng lực	7
3. Kỹ thuật xây dựng câu hỏi trắc nghiệm của PISA trong đánh giá năng lực đọc hiểu	8
II. THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	14
III. NỘI DUNG THỰC HIỆN ĐỀ TÀI	15
1. Khái quát những nhiệm vụ chính trong bài kiểm tra TNKQ	15
2. Vận dụng kỹ thuật xây dựng câu hỏi TNKQ vào thực hành đánh giá năng lực đọc hiểu HS lớp 10 – Trung học phổ thông (THPT)	15
IV. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	21
1. Đánh giá chung	21
2. Kết quả cụ thể (Đặt ở phần phụ lục)	22
3. Bài học kinh nghiệm	22
PHẦN C. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	23
I. KẾT LUẬN	23
II. KHUYẾN NGHỊ	25
TÀI LIỆU THAM KHẢO	26
PHỤ LỤC	27

PHẦN A. ĐẶT VẤN ĐỀ

I. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI

1. Cơ sở lý luận

Việc đổi mới dạy học là yêu cầu tất yếu của nền giáo dục hiện nay. Luật giáo dục số 38/2005/QH11, Điều 28 quy định: “Phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh, phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học, bồi dưỡng phương pháp tự học, khả năng làm việc theo nhóm; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh”. Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 ban hành kèm quyết định 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của thủ tướng chính phủ chỉ rõ: “Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của người học”. Trong đó, đặc biệt chú ý đến đổi mới phương pháp dạy của giáo viên và đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Vấn đề đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam là vấn đề bản khoăn, trăn trở không chỉ riêng của ngành giáo dục mà còn của cả xã hội. Việc đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh đã được triển khai từ hơn 30 năm qua. Hầu hết những giáo viên hiện nay đã được trang bị lý luận về các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong quá trình đào tạo tại các trường sư phạm cũng như quá trình bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn hằng năm. Đổi mới phương pháp dạy học cần chuyển “từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và xã hội” (Theo nghị quyết 29 NQ/TW). Điều đó đòi hỏi mỗi giáo viên phải linh hoạt trong việc áp dụng phương pháp dạy học sao cho phù hợp với yêu cầu mới.

Bên cạnh đổi mới phương pháp giảng dạy là đổi mới về phương pháp kiểm tra, đánh giá. Theo tinh thần Nghị quyết 29/NQ-TW, ngày 06/3/2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Kế hoạch số 103/KH-BGDĐT về việc tổ chức hội thảo “Đổi mới kiểm tra đánh giá chất lượng học tập môn Ngữ văn trong trường trung học phổ thông” nhằm đổi mới giáo dục. Việc “đánh giá kết quả học tập không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức đã học làm trung tâm của việc đánh giá”, “phối hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ... kết hợp giữa hình thức đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan và tự luận nhằm phát huy những ưu điểm của mỗi hình thức đánh giá này.” (Theo Tủ sách thư viện – Trung tâm khảo thí ĐH quốc gia Hà Nội Một trong những cơ sở cho đổi mới kiểm tra,

đánh giá hiện nay chính là đánh giá theo định hướng tiếp cận năng lực học sinh (HS). Có rất nhiều quan niệm về năng lực, theo OECD – Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế thế giới – thì: *Năng lực là khả năng đáp ứng một cách hiệu quả những yêu cầu phức hợp trong một bối cảnh cụ thể*. Theo đó, việc kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn trong trường phổ thông tập trung vào hai lĩnh vực, đó là Đọc hiểu và Làm văn. Trong phạm vi đề tài này, tôi nghiên cứu về lĩnh vực Đọc – hiểu văn bản. Năng lực đọc - hiểu theo PISA là *“là hiểu, sử dụng, phản ánh và liên kết vào các văn bản viết, nhằm đạt được các mục tiêu cá nhân, phát triển kiến thức và tiềm năng cá nhân, và tham gia vào xã hội”*. GS Trần Đình Sử đã từng đề cập đến vai trò quan trọng của việc đọc văn bản *“...khởi điểm của môn Ngữ văn là dạy học sinh đọc hiểu trực tiếp văn bản văn học của nhà văn...Nếu học sinh không trực tiếp đọc các văn bản ấy, không hiểu được văn bản, thì coi như mọi yêu cầu, mục tiêu cao đẹp của môn Văn chỉ là nói suông, khó với tới, đừng nói gì tới tình yêu văn học”*. Đọc là một trong những năng lực của con người, đọc để học hỏi, tích lũy kinh nghiệm, mở mang hiểu biết, khám phá thế giới và đọc để thể hiện năng lực, hiểu biết của mỗi người. Như vậy, việc rèn luyện năng lực, kỹ năng đọc hiểu văn bản, kết hợp kiểm tra – đánh giá năng lực, kỹ năng đọc – hiểu là một nhiệm vụ quan trọng của người dạy và người học môn Ngữ văn nói chung.

2. Cơ sở thực tiễn

Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá đã và đang là một vấn đề cấp thiết của ngành Giáo dục nói chung, đặc biệt đối với chương trình Ngữ văn 10 trong năm học 2022 – 2023 nói riêng. Tuy nhiên, đa số giáo viên quan tâm và đầu tư vào đổi mới phương pháp dạy học mà chưa đầu tư nhiều vào khâu đánh giá kết quả học tập của học sinh. Điều này khiến việc kiểm tra đánh giá chưa toàn diện, gây lãng phí cơ hội phát huy năng lực của học sinh, cũng như chưa khơi dậy được hứng thú của HS đối với môn Ngữ văn. Cho nên muốn đánh giá một cách chính xác, khách quan, công bằng thì người dạy phải đầu tư tỉ mỉ thời gian, kiến thức để xây dựng ma trận, biên soạn câu hỏi, tổ chức kiểm tra, chấm bài, chữa bài cho học sinh. Vài năm trở lại đây, đánh giá theo định hướng tiếp cận năng lực học sinh (HS) được thực hiện không chỉ ở cấp THPT mà còn được nhiều trường đại học trong cả nước tiến hành

Từ năm 2015 tôi đã nghiên cứu về PISA. Năm 2018, tôi tham gia tập huấn, biên soạn, biên tập câu hỏi, chấm bài khảo sát chu kì 2028 và tham gia xây dựng các bộ công cụ khảo sát đánh giá Quốc gia kết quả học tập của HS 11 giai đoạn 2021-2022. Năm 2023, tôi tiếp tục tham gia xây dựng Ngân hàng câu hỏi Đánh giá năng lực người học môn Đọc – hiểu Ngữ văn 10, Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tôi nhận thấy cách đánh giá của PISA vận dụng vào công việc dạy học, kiểm tra, đánh giá/tự đánh giá của giáo viên và HS THPT là phù hợp. Chương trình đánh giá học sinh quốc tế PISA được xây dựng và điều phối bởi tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) vào thập niên 90 và hiện vẫn được triển khai đều đặn. PISA không chỉ đơn thuần là một chương trình nghiên cứu đánh giá chất lượng giáo dục của OECD mà trở thành xu hướng đánh giá quốc tế, đánh giá học sinh trên toàn thế giới.

Vận dụng cách đánh giá của PISA hạn chế rất nhiều tính chủ quan của giáo viên thông qua việc mã hóa đối với câu hỏi tự luận; đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn thì không còn tính chủ quan hoàn toàn. Việc vận dụng cách đánh giá của PISA vào lĩnh vực Đọc – hiểu môn Ngữ văn THPT rất phù hợp với xu thế đánh giá năng lực hiện đại, nhất là đánh giá bằng hình thức trắc nghiệm khách quan (TNKQ). HS lớp 10 được tiếp cận, thực hành nhiều hơn với dạng đánh giá năng lực đọc-hiểu để các em có hành trang vững chắc, không bị ngỡ ngàng khi tham gia vào các **đề thi đánh giá năng lực** do các trường Đại học tổ chức đang ngày càng trở nên phổ biến những năm gần đây. Giáo viên không còn xa lạ với câu hỏi TNKQ trong phần đọc-hiểu và cũng nhiều lần thực hiện kiểm tra, đánh giá bằng hình thức này. Tuy nhiên, để xây dựng câu hỏi TNKQ đúng kỹ thuật thì không phải giáo viên (GV) nào cũng làm được. Vì vậy, tôi quyết định thực hiện nghiên cứu và triển khai đề tài sáng kiến **“VẬN DỤNG KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM CỦA PISA VÀO ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU MÔN NGỮ VĂN LỚP 10 THPT”** để chia sẻ với đồng nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả trong việc biên soạn câu hỏi TNKQ cũng như đổi mới trong kiểm tra đánh giá HS.

II. MỤC ĐÍCH CỦA ĐỀ TÀI

Hiện thực hóa những ưu điểm về vận dụng cách đánh giá của PISA bằng hình thức TNKQ vào kiểm tra/đánh giá năng lực (ĐGNL) đọc hiểu của HS THPT nói chung và HS lớp 10 nói riêng.

1. Với học sinh:

Đưa HS gần hơn với cách tiếp cận, khám phá các Văn bản văn học được học trong chương trình lớp 10 sách giáo khoa mới cũng như các văn bản ở nhiều lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống.

2. Với giáo viên:

GV đánh giá HS một cách khách quan, chính xác, đa chiều kiến thức đọc - hiểu của HS.

III. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Đề tài lấy đối tượng nghiên cứu là HS lớp 10 ở trường THPT, nơi người thực hiện đề tài giảng dạy, công tác.

IV. THỜI GIAN NGHIÊN CỨU

Đề tài được nghiên cứu và tiến hành từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 2 năm 2024

V. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp xây dựng cơ sở lí thuyết: Tìm hiểu, tham khảo các tài liệu liên quan đến đề tài qua các tài liệu của PISA, qua mạng Internet, Sách giáo khoa bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, Bộ Cánh diều,..
- Phương pháp điều tra, khảo sát thực tế, thu thập thông tin: Trực tiếp trao đổi với đồng nghiệp trong các buổi sinh hoạt chuyên môn. Đồng thời thu thập lấy ý kiến của HS phản hồi về bài kiểm tra.
- Phương pháp thống kê, xử lí số liệu: Cho HS làm bài kiểm tra thường xuyên, từ đó thống kê, xử lí số liệu để đánh giá, kết luận về kết quả thực tế trước và sau thực nghiệm.
- Phương pháp đàm thoại, rút kinh nghiệm trong phạm vi lớp học, sinh hoạt nhóm chuyên môn.

Về số liệu đối chứng, so sánh, người thực hiện đề tài chọn 02 lớp 10 có điểm đầu vào môn Ngữ văn tương đương, nội dung chương trình cùng một khung. Tuy nhiên, cách xây dựng đề, câu hỏi kiểm tra thường xuyên lĩnh vực đọc hiểu theo các hình thức khác nhau để từ đó rút ra ưu điểm của mỗi hình thức. Cụ thể:

- Lớp đối chứng (chọn lớp 10A11): GV ra đề, câu hỏi kiểm tra theo các câu hỏi hoàn toàn tự luận, bố hợp kiểm tra kiến thức trong một nội dung cụ thể, HS chỉ cần học thuộc những gì được học. Thời gian thực hiện: Năm học 2022 – 2023.

- Lớp thực nghiệm (chọn lớp 10A9): GV ra đề, câu hỏi kiểm tra vận dụng cách đánh giá của PISA về lĩnh vực đọc hiểu bằng hình thức TNKQ. Thời gian thực hiện: Học kì I, năm học 2023 – 2024.

VI. PHẠM VI NGHIÊN CỨU, ÁP DỤNG

- Nghiên cứu các tài liệu về PISA: Cuốn PISA và các dạng câu hỏi do OECD phát hành công cộng (Tài liệu dùng cho Cán bộ quản lý, Giáo viên Việt Nam) Lĩnh vực Đọc hiểu (Hà Nội, tháng 4 năm 2017); Cuốn *Tài liệu tập huấn kĩ thuật xây dựng các bộ công cụ khảo sát lớp 11* (Hà Nội, 3. 2019).

- Một số tài liệu về *Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá HS THPT* (Tạp chí Giáo dục).

- Một số *Bộ đề luyện thi ĐGNL* của các trường ĐH – phổ biến công khai

- Sử dụng công nghệ thông tin trong soạn thảo, biên soạn, in sao đề.

- Chủ yếu áp dụng đối tượng HS lớp 10 THPT trong giảng dạy, kiểm tra/đánh giá lĩnh vực đọc hiểu thuộc môn Ngữ văn, có chú ý bám sát Kế hoạch dạy học – Học kì I – dựa theo Công văn 5512/BGDĐT – GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020; Công văn 4040/BGDĐT – GDTrH ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào Tạo. Theo đó, phần minh chứng nội dung đề tài xoay quanh các nhóm kiến thức – kĩ năng sau đây:

- VB thần thoại

- VB thơ hiện đại

- VB nghị luận

- Thực hành tiếng Việt: Lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa

- Thực hành tiếng Việt: Lỗi mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản: Dấu hiệu nhận biết và cách sửa.

PHẦN B. NỘI DUNG

I. NỘI DUNG LÝ LUẬN

1. Một số nét khái quát về PISA và Lĩnh vực Đọc hiểu

1.1. Một số nét khái quát về PISA

1.1.1. Khái niệm

- Chương trình đánh giá học sinh quốc tế PISA (*The Programme for International Student Assessment*) được xây dựng và điều phối bởi Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (viết tắt là OECD) vào thập niên 90 và hiện vẫn diễn ra đều đặn. Khảo sát PISA được thiết kế nhằm đưa ra đánh giá có chất lượng và đáng tin cậy về hiệu quả của hệ thống giáo dục. Càng ngày PISA càng thu hút được sự quan tâm và tham gia của nhiều nước trên thế giới, trở thành xu hướng đánh giá quốc tế. Tư tưởng đánh giá của PISA trở thành tư tưởng đánh giá học sinh trên toàn thế giới. Các nước muốn biết chất lượng giáo dục của quốc gia mình như thế nào, đứng ở đâu trên thế giới đều đăng kí tham gia PISA.

- Khảo sát PISA được tổ chức 3 năm một lần ở ba lĩnh vực chính là: Đọc hiểu, Toán học và Khoa học. Các lĩnh vực trọng tâm sẽ được quay vòng để các dữ liệu chi tiết được cập nhật một cách liên tục theo chu kỳ đối với mỗi lĩnh vực và so sánh đánh giá chuyên sâu sau 9 năm một lần. Mục đích cụ thể của mỗi kì khảo sát là nhằm đánh giá xem học sinh (HS) vận dụng kiến thức và kỹ năng của mình khi đối mặt với nhiều tình huống và những thử thách liên quan đến kỹ năng đó. Nói cách khác, PISA đánh giá khả năng HS vận dụng kiến thức và kỹ năng để hiểu nhiều tài liệu khác nhau mà các em có khả năng sẽ gặp trong cuộc sống ngày ngày.

- Cấu trúc bài thi PISA được thiết kế theo khung đánh giá của OECD, xác định rõ phạm vi kiến thức, các kỹ năng liên quan đến từng lĩnh vực.

- Việt Nam tham gia PISA bắt đầu từ chu kỳ 2012, đến 2021 là đã thực hiện tham gia được ba chu kỳ.

1.1.2. Phân loại các dạng câu hỏi trong PISA

Một số dạng câu hỏi trong đề thi PISA nói chung:

- Câu hỏi đóng hay còn gọi là câu hỏi trắc nghiệm
- Câu hỏi trắc nghiệm có nhiều dạng:
- + Câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn.
 - + Đúng/sai, Có / không
 - + Điền vào chỗ trống
 - + Sắp xếp theo thứ tự
 - + Kết hợp hoặc ghép cặp

- + Xác định vị trí trên hình ảnh (dành cho thi trên máy tính)
- + Kéo thả hình ảnh (dành cho thi trên máy tính)
- Câu hỏi mở đòi hỏi trả lời ngắn.
- Câu hỏi mở đòi hỏi trả lời dài (khi chấm/mã hóa sẽ phải tách ra từng phần để đánh giá).

1.2. PISA và Lĩnh vực Đọc hiểu ở Việt Nam

- Một số năm trở lại đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã vận dụng cách đánh giá của PISA vào các Kỳ khảo sát Quốc gia dành cho HS lớp 5, 9, 11; đề thi TN THPT ở một số câu trong phần Đọc hiểu – chủ yếu với những dạng câu hỏi mở... Các dạng câu hỏi theo mẫu khảo sát đánh giá của PISA rất phù hợp cho đối tượng học sinh Trung học Phổ thông ở Việt Nam, đặc biệt hữu ích trong bối cảnh giáo dục Việt Nam đang chuyển từ dạy học theo tiếp cận nội dung sang dạy học theo tiếp cận năng lực của học sinh. Những ưu điểm của câu hỏi PISA hoàn toàn đáp ứng được điều đó. Bộ câu hỏi PISA do OECD sử dụng hiện nay, thay vì kiểm tra mức độ thuộc bài theo các chương trình giáo dục cụ thể, thì PISA chú trọng việc xem xét, đánh giá về các năng lực của học sinh trong việc ứng dụng các kiến thức và kỹ năng phổ thông cơ bản vào các tình huống thực tiễn. PISA đánh giá năng lực theo các mức độ, có tính vừa sức đồng thời có tính thách thức, rất phù hợp với học sinh ở độ tuổi THPT. Các câu hỏi trong Bộ đề kiểm tra PISA phản ánh năng lực lĩnh hội và áp dụng những kiến thức trong nhà trường vào các môi trường ngoài nhà trường của học sinh, gắn lý thuyết với thực tiễn, làm cơ sở cho việc tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục – đào tạo.

- Các trường Đại học tổ chức thi/tuyển sinh theo hình thức đánh giá năng lực ở phần Đọc hiểu VB phần lớn sử dụng dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

2. Năng lực và thang đo năng lực

2.1. Khái niệm

- Trước khi vận dụng xây dựng câu hỏi cần hiểu khái niệm “*Năng lực là gì?*”.

Có 2 khái niệm phù hợp về năng lực:

+ Năng lực là “*khả năng vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng, thái độ và hứng thú để hành động một cách phù hợp và có hiệu quả trong các tình huống đa dạng của cuộc sống*” (Québec- Ministère de l’Education, 2004)

+ Năng lực là “*khả năng làm chủ những hệ thống kiến thức, kĩ năng, thái độ và vận hành (kết nối) chúng một cách hợp lí vào thực hiện thành công nhiệm vụ hoặc giải quyết hiệu quả vấn đề đặt ra của cuộc sống*” (N.C.K, 2012)

Như vậy, có thể thấy rằng: Mục đích chủ yếu nhất của đánh giá năng lực là đánh giá khả năng HS vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học được vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống – mà ở đây là những câu hỏi, bài tập, tình huống cụ thể.

2.2. Phân loại

Có nhiều thang đo đánh giá năng lực (thang Bloom, thang Thinking Levels, thang SOLO, thang PISA...).

- Thang đánh giá PISA lĩnh vực đọc hiểu theo 3 mức từ thấp đến cao như sau:

- + Tiếp cận và truy xuất thông tin
- + Kết nối và tích hợp
- + Phản ánh/ phản hồi và đánh giá (cho dạng câu hỏi mở)

- Trong phạm vi đề tài này, tôi chỉ đi sâu vào xây dựng bộ câu hỏi TNKQ, vận dụng 2/3 mức độ theo thang đánh giá PISA trong bài đánh giá năng lực HS, cụ thể:

Mức 1: Tiếp cận và truy xuất thông tin

Mức 2: Kết nối và tích hợp

Để bắt nhịp xu thế, tính phổ biến trong kiểm tra/đánh giá, cũng như nhu cầu của HS, tôi hoàn thiện đề tài dựa trên những kiến thức đã được tập huấn cũng như tham gia trực tiếp biên soạn, biên tập câu hỏi của PISA trong phạm vi nhiệm vụ của mình.

3. Kỹ thuật xây dựng câu hỏi trắc nghiệm của PISA trong đánh giá năng lực đọc hiểu

3.1. Lựa chọn phần dẫn/ngữ liệu/tình huống

* Phần dẫn/ngữ liệu/tình huống được tốt cần đảm bảo được các yêu cầu sau:

- Tính xác thực/có thật
- Văn hóa phù hợp
- Ngôn ngữ phù hợp
- Gây thích thú/mối quan tâm cho độ tuổi HS
- Chứa nhiều vấn đề để khai thác/xây dựng được nhiều câu hỏi
- Độc lập
- Bản quyền rõ ràng.

3.2. Xây dựng câu hỏi

3.2.1. Yêu cầu câu hỏi

- Câu hỏi mạch lạc, rõ ràng, chứa thông tin đầy đủ và có liên quan để trả lời câu hỏi.
- Cấu trúc đầy đủ và đúng ngữ pháp
- Chọn từ có nghĩa chính xác, tường minh.
- Không nên quá dài, phức tạp và bao gồm những từ khó
- Dùng những câu đơn giản (thử nhiều cách đặt câu hỏi và chọn câu thật đơn giản nhất).
- Đưa tất cả những thông tin cần thiết vào trong câu dẫn nếu có thể được.
- Cung cấp đầy đủ thông tin để nêu rõ nhiệm vụ cho HS biết. HS cần có khả năng trả lời câu hỏi trước khi đọc các phương án lựa chọn.
- Không nên có những thông tin xa lạ trong phần đầu vì đây sẽ là nguyên nhân khiến HS nhầm lẫn nếu không xác định được câu trả lời chính xác.
- Tránh phủ định kép/phủ định không cần thiết: **không, ít nhất, kém nhất**.v.v.. Nếu thực sự cần phải sử dụng nghĩa phủ định trong phần đầu, hãy ghi rõ từ phủ định bằng cách viết in hoa, gạch dưới, in đậm... để HS dễ nhìn thấy (Ví dụ: Biện pháp tu từ nào **KHÔNG** được sử dụng trong đoạn thơ sau? /Biện pháp tu từ nào **không** được sử dụng trong đoạn thơ sau?)
- Không trùng lặp với câu hỏi khác trong cùng một đề kiểm tra
- * Các dạng của phần đầu/phần hỏi bao gồm: một câu hỏi chưa hoàn chỉnh, một câu hỏi được nêu rõ ràng hoặc một câu hỏi thiếu thông tin.

3.2.2. Cấu trúc câu hỏi TNKQ/nhiều lựa chọn

- **Phần diễn giải:** Là phần đầu tiên dẫn vào xác định nhiệm vụ và các phương án lựa chọn.
- **Phần dẫn:** Là phần xác định nhiệm vụ, chứa câu hỏi hoặc bài tập
- **Phần lựa chọn: các phương án lựa chọn:** Là các lựa chọn trả lời được đánh số trình bày ở dưới phần dẫn theo thứ tự kí hiệu A – B – C – D; thứ tự các phương án dựa theo thứ tự bảng chữ cái những chữ đầu tiên.

Ví dụ:

Đọc đoạn trích sau và thực hiện theo yêu cầu từ 14 đến 15:

*Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay,
 Hoa xoan lớp lớp rụng vơi đầy.
 Hội chèo làng Đặng đi qua ngõ,
 Mẹ bảo: thôn Đoài hát tối nay.*

(Mưa xuân, Nguyễn Bính, thivien.net)

Câu hỏi: Từ *xuân* trong câu “*Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay*” phù hợp về ngữ nghĩa với từ *xuân* trong câu nào dưới đây?

A. *Cô buồn tưởng lại ba xuân trước*

Trên bến cùng ai đã nặng thề

(Trích *Cô lái đò*, Nguyễn Bính - NXB Văn học, 1992)

B. *Lòng em hóa cảnh chờ anh gặp,*

Man mác hồn xuân ngọn gió hây.

(Trích *Hồn xuân*, Huy Cận, NXB Văn học, 1985)

C. *Ngày xuân mơ nở trắng rừng,*

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang

(Trích *Việt Bắc*, Tố Hữu - NXB Giáo dục, 2006)

D. *Xuân trẻ, xuân non, xuân lịch sự*

Tôi đều nhận thấy trên môi em.

(Trích *Gái quê*, Hàn Mặc Tử, thivien.net)

- Các phương án lựa chọn bao gồm:

- Đáp án (key) – phương án trả lời chính xác
- Các câu nhiễu (distractert) – những phương án trả lời không chính xác.

3.2.3. Một số dạng câu hỏi thường gặp:

- Câu hỏi hoàn chỉnh (có dấu hỏi)

Ví dụ:

[...] Trên đường về họ ghé vào đảo Na-xô-vơ và những gì xảy ra ở đây đã được kể lại khác nhau. Một truyện thì nói rằng Tê-dê đã bỏ rơi A-ri-an. [...] Một truyện khác thì nói nhẹ tội hơn cho Tê-dê. [...] Cả hai truyện trên đều giống nhau ở chỗ là khi về gần tới A-ten chàng đã quên căng cánh buồm màu trắng.

(Tê-dê, Trích *Thần thoại Hy Lạp*, SGK Ngữ văn 10, Tập 1, tr.38, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*)

Đoạn văn trên đã thể hiện đặc điểm gì của văn học dân gian?

A. Tính dị bản

B. Tính tập thể

C. Tính nguyên hợp

D. Tính truyền miệng

- Câu hỏi chưa hoàn chỉnh (là một mệnh đề)

Ví dụ:

*Mỗi lần nắng mới hắt bên song
Xao xác gà trưa gáy náo nùng
Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng
Chập chờn sống lại những ngày không
Tôi nhớ mẹ tôi thuở thiếu thời
Lúc người còn sống tôi lên mười”*

(*Nắng mới*, Lưu Trọng Lư, Thi nhân Việt Nam, NXB Văn học, 1998, tr.288)

Cụm từ “Nắng mới” trong đoạn trích trên có thể hiểu là:

- A. ánh nắng rực rỡ, tươi tắn của những ngày hè
- B. ánh nắng hiu hắt, yếu ớt những ngày cuối mùa
- C. ánh nắng tinh khôi, báo hiệu ngày mới bắt đầu
- D. ánh nắng đầu mùa, kết thúc những ngày lạnh ảm

- Câu hỏi thiếu thông tin

Ví dụ:

[...] Trong năm qua, mỗi phút đồng hồ của một ngày trôi đi, có khoảng 10 người bị nhiễm HIV

(Cô- phi An- nan, *Thông điệp nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS, 1- 12- 2003*, trích, SGK Ngữ văn 12, Tập một)

Câu văn trên đưa ra một số liệu ước tính... người nhiễm HIV?

- A. Khoảng 600 ngàn người
- B. Khoảng 700 ngàn người
- C. Khoảng 800 ngàn người
- D. Khoảng 900 ngàn người

3.3. Xây dựng các phương án lựa chọn

- Là các lựa chọn trả lời được đánh số trình bày ở dưới phần câu hỏi. Theo đó, các phương án lựa chọn sẽ có **1 ĐÁP ÁN** (một phương án trả lời chính xác) và **CÁC CÂU NHIỀU** (những phương án trả lời không chính xác). Thường có 4 phương án trả lời, đánh bằng chữ cái **A, B, C, D**.

- Một số lưu ý:

+ Khi xây dựng các phương án lựa chọn, cần phải xác định 1 trong 4 phương án lựa chọn làm **đáp án** phải là **câu trả lời chính xác**, nghĩa là: cần chắc chắn rằng chỉ có một câu trả lời chính xác/đúng nhất mà thôi; không chấp nhận phương án nào đúng một phần hoặc sai một phần, bao gồm một phần nội dung trong phương án là đáp án.

+ Không gồm các loại câu hỏi có dạng như: **Tất cả phương án trên là đúng/Phương án nào đúng nhất/Không có phương án nào đúng/Phương án nào chính xác nhất,..**

+ Cấu trúc ngữ pháp của tất cả các phương án trả lời cần tương đương nhau. Ngữ pháp không thống nhất có thể đưa ra manh mối về đáp án hoặc loại bỏ các phương án trả lời không chính xác.

+ Tất cả các phương án trả lời phải tương đương về độ dài, mức độ phức tạp, tránh đưa ra nhiều chi tiết vào phương án chính xác; thói quen xây dựng phương án trả lời là đáp án dài hơn các phương án nhiều sẽ khiến phương án này nổi bật hơn những phương án khác, như vậy sẽ dễ “lộ” đáp án.

+ Đáp lựa chọn cần phải:

- Hợp lý và có sự liên kết với câu dẫn
- Sắp xếp theo thứ tự logic hoặc theo bảng chữ cái, và nên viết theo dạng khẳng định
- Không lặp lại các từ ngữ trong văn bản, những từ ngữ tiết lộ đáp án đúng
- Không bao gồm gợi ý cho những câu hỏi khác của cùng một bài kiểm tra
- Không nên sử dụng các cụm từ “**Không có đáp án nào đúng**” hoặc “**Tất cả các đáp án trên đều đúng**”,..

3.4. Đáp án

- Nên xây dựng câu trả lời đúng trước khi đặt câu hỏi.
- Tránh trích dẫn trực tiếp từ sách giáo khoa khi xây dựng đáp án đúng
- Phải có cùng độ dài, ngôn ngữ với các phương án nhiễu.
- Phải là đúng hoặc là câu trả lời tốt nhất.

3.5. Các phương án nhiễu:

(Phương án nhiễu là những phương án không chính xác)

Các phương án nhiễu cần đảm bảo các yêu cầu:

- Có độ nhiễu để thu hút HS chưa học bài. Cần có kiến thức, hiểu biết hoặc kỹ năng liên quan để nhận ra được những phương án nhiễu là không chính xác.
- Phải loại trừ lẫn nhau và loại trừ cả câu trả lời đúng
- Nên ít nhiều giống định dạng hoặc cách viết với đáp án đúng.
- Không chứa nội dung đúng hoặc sai một nửa
- Tạo các câu nhiễu dựa trên những khái niệm chung hay những khái niệm sai.
- Tránh các câu nhiễu ở trình độ cao hơn so với đáp án.

*** Trên cơ sở hiểu biết về kĩ thuật biên soạn câu hỏi TNKQ của PISA, tôi phân tích câu hỏi trong đề thi hoặc đề luyện thi Đánh giá năng lực của một số trường trường đại học trong thời gian qua:**

Ví dụ 1: Nội dung của bài Phú sông Bạch Đằng là:

- A. Ca ngợi những người nghĩa sĩ nông dân và thể hiện tinh thần yêu nước thiết tha
 - B. Tầm lòng ưu dân ái quốc của tác giả
 - C. Hình tượng người anh hùng của cộng đồng với những phẩm chất đáng quý
 - D. Lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc trước những chiến công trên sông Bạch Đằng, ca ngợi truyền thống anh hùng và nhân nghĩa của dân tộc
- (Đề luyện thi đánh giá năng lực Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đề số 17, nguồn: tuyensinh247.com)

Đáp án: D

Đáp án D lộ vì có độ dài nhất trong các phương án lựa chọn. Nên xây dựng các phương án có độ dài tương đương hoặc được sắp xếp theo trật tự logic. Hơn nữa trong đáp án nhắc lại cụm từ Bạch Đằng trong câu dẫn.

Ví dụ 2:

Tính chất nào thể hiện đầy đủ phong cách thơ trong tác phẩm *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm?

- A. Chính luận – khoa học.
- B. Trữ tình – chính luận.
- C. Tự sự - trào phúng.
- D. Trữ tình – hành chính.

(Đề thi đánh giá năng lực lần 1 năm 2023-Đại học quốc gia TP.HCM (Đề chính thức, Mã đề 501))

Đáp án: B

Với câu hỏi trên thì đáp án B và phương án D có bao nhau. Tức là trong phương án nhiều có một phần đúng. Hơn nữa phương án nhiều lộ vì Phong trữ tình-hành chính là không đúng. Cho nên HS đa phần sẽ không chọn phương án này. Vì vậy độ khó của câu hỏi bị giảm $\frac{1}{4}$

Ví dụ 3: “Nhằm nâng cao chất lượng và trải nghiệm của khách hàng” là câu

- A. Thiếu chủ ngữ
- B. Thiếu vị ngữ.
- C. Thiếu chủ ngữ và vị ngữ.
- D. Tĩnh lược chủ ngữ.

(Đề thi đánh giá năng lực lần 1 năm 2023-Đại học quốc gia TP.HCM (Đề chính thức, Mã đề 501))

Đáp án: C

Câu hỏi là một mệnh đề thì các phương án không viết hoa chữ cái đầu dòng. Thêm dấu “:” vào cuối mệnh đề. Phương án C bao chứa cả phương án A và B.

Ví dụ 4. Qua tác phẩm Tuyên ngôn độc lập, tác giả Hồ Chí Minh muốn thể hiện điều gì?

- A. Tuyên bố với thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
- B. Khẳng định tinh thần yêu nước và tinh thần chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam
- C. Nêu lên tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

(Đề luyện thi đánh giá năng lực Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đề số 18, nguồn: tuyensinh247.com)

Đáp án: D

Không nên xây dựng có phương án: “Tất cả các **đáp án** trên đều **đúng**”. Hơn nữa người biên soạn câu hỏi dùng lặp từ trong phương án D vì Đáp án là phương án đúng.

* Qua tham khảo một số ví dụ một số câu hỏi trong đề thi Đánh giá năng lực, tôi thấy rằng: Các phương án trả lời không tương đương nhau về độ dài và cấu trúc (ở mức độ tương đối); đáp án quá “lộ” và dễ chọn vì đó là phương án trả lời dài, các đáp án còn bao chứa nhau, hoặc đúng/sai một nửa. Phần dẫn câu hỏi chưa đảm bảo tính chuẩn xác,.. Nghĩa là còn mắc lỗi trong kỹ thuật biên soạn câu hỏi.

II. THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1. **Đối với GV:** Đa số GV khi kiểm tra Phần đọc hiểu đều rất ngại xây dựng các câu hỏi theo nhiều dạng khác nhau, đặc biệt là các câu hỏi TNKQ vì mất nhiều thời gian, khá khó và phức tạp, xây dựng các phương án nhiễu tốt là thử thách với nhiều giáo viên. Điều đó dẫn đến hệ thống câu hỏi bài kiểm tra thường là những câu hỏi tự luận đơn điệu, nghèo nàn, thậm chí hời hợt. Việc GV đầu tư vào xây dựng câu hỏi TNKQ tốt sẽ hạn chế được hành vi tiêu cực của HS (quay cóp bài) và hạn chế được tính chủ quan của người chấm.
2. **Đối với HS:** Thay vì “bị” kiểm tra tình trạng học thuộc bài thì HS được tiếp cận với nhiều đơn vị kiến thức khác nhau trong cùng một văn bản, kết nối với thực tiễn để tư duy độc lập, phát huy kiến thức tổng hợp; hạn chế việc quay cóp, gian lận trong kiểm tra – đánh giá, hứng thú hơn khi làm bài. Qua quá trình thực nghiệm, tôi thấy rằng: HS có nhiều hứng thú học môn Ngữ

văn nói chung và đọc, tìm hiểu văn bản văn học nói riêng. Qua đó, HS chú trọng hơn việc nắm bắt kiến thức qua cả một quá trình và rèn luyện được nhiều kĩ năng khác. Kết quả các bài kiểm tra thường xuyên cũng như định kì của HS được nâng lên rõ rệt.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

1. Khái quát những nhiệm vụ chính trong bài kiểm tra TNKQ

*Bài kiểm tra gồm một chuỗi những nhiệm vụ liên quan đến:

- Xây dựng ma trận đề
- Chọn ngữ liệu
- Viết phần dẫn
- Viết câu hỏi.
- Các phương án trả lời
- Đáp án.

2. Vận dụng kĩ thuật xây dựng câu hỏi TNKQ vào thực hành đánh giá năng lực đọc hiểu HS lớp 10 – Trung học phổ thông (THPT)

Dưới đây là bài kiểm tra vận dụng kĩ thuật xây dựng câu hỏi TNKQ vào đề kiểm tra Đọc hiểu VB lớp 10, bao gồm: lập ma trận đề, chọn ngữ liệu và phần dẫn, viết câu hỏi, đáp án... của người thực hiện đề tài trong bài kiểm tra thường xuyên HS lớp 10 – Học kì I, năm học 2023 -2024 tại đơn vị công tác.

Thực hành áp dụng cho một bài kiểm tra thường xuyên, trực tiếp trên lớp, thời gian làm bài 20 phút, tổng điểm toàn bài: 10 điểm

2.1. Ma trận đề kiểm tra

Nội dung	Mức độ 1 (<i>Biết và hiểu</i>)	Mức độ 2 (<i>Kết nối và tích hợp</i>)	Tổng số
Các loại VB: - Truyện kể - Thơ - Nghị luận - Thực hành tiếng Việt	- Nhận biết được phương thức biểu đạt của một văn bản. - Xác định được ý nghĩa của một số chi tiết nghệ thuật sử dụng trong văn bản. - Nhận ra những lỗi về dùng từ, trật tự từ, lỗi	- Kết nối được các từ ngữ chỉ sự vật, hiện tượng cụ thể trong văn bản để hiểu chính xác những thông tin của văn bản. - Hiểu được hiệu quả các biện pháp nghệ thuật trong văn bản.	

	logic và mạch lạc trong văn bản,...	- Ý thức được mối liên hệ giữa văn bản và cuộc sống. - Ý thức dùng từ đúng từ, trật tự từ, đảm bảo mạch lạc và liên kết trong văn bản.	
	11 câu (5,5 điểm)	09 câu (4,5 điểm)	20 câu (10 điểm)

2.2. Đề kiểm tra vận dụng kĩ thuật xây dựng câu hỏi TNKQ của PISA

Thời gian làm bài:	20 phút (không kể thời gian phát đề)
Tổng số văn bản:	04 văn bản/đoạn trích văn bản
Tổng số câu hỏi:	20 câu
Dạng câu hỏi:	Trắc nghiệm 4 lựa chọn (chỉ có duy nhất 1 phương án đúng)
Cách làm bài:	Thực hiện lựa chọn khoanh đáp án trực tiếp trên đề in

Bài 1. Đọc văn bản sau và thực hiện theo yêu cầu từ 1 đến 6:

Những đóa hoa cúc vừa hái về từ cánh đồng mùa xuân rộng lớn.

Tỏa sáng trên chiếc bình gốm sẫm màu

Chạm vào em một chiếc lá già nua, một nụ hoa bé bỏng, một hơi thở run run, một làn sương ẩm ướt

Chạm vào em một lạnh lót trong veo, một vang rền đầm trực, một nức nở âm u, một lặng câm rục rĩ

Em chạy về với cánh đồng rộng lớn của mùa xuân

Chân ngập trong đất mềm tươi xốp

Em gọi tên những loài hoa chưa kịp mọc

Em gọi tên những trái cây chưa kịp ra đời

Những trái cây đang ngủ trong hạt mầm vừa nứt

Đang ngủ trong đóa hoa nấp dưới đất cày.

Dưới lớp đất cày có những chiếc bình gốm

Chưa kịp thành hình chờ đợi các loài hoa.

(“Cánh đồng”, Hoa Ngân, **SGK 10, Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam**)

Câu 1. Văn bản trên được sáng tác theo thể thơ nào?

- A. Thể thơ tự do
- B. Thể thơ lục bát
- C. Thể thơ song thất lục bát
- D. Thể thơ thất ngôn bát cú Đường

Câu 2. Chỉ ra một biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ: *Em gọi tên những loài hoa chưa kịp mọc/ Em gọi tên những trái cây chưa kịp ra đời?*

- A. Điệp từ
- B. Điệp ngữ
- C. Hoán dụ
- D. So sánh

Câu 3. Nhân vật trữ tình trong văn bản trên là:

- A. cánh đồng
- B. hạt mầm
- C. hoa
- D. em

Câu 4. Đây là yếu tố nảy sinh cảm xúc cho nhân vật trữ tình trong bài thơ?

- A. Những loài hoa chưa kịp mọc, những trái cây chưa kịp ra đời.
- B. Một chiếc lá già nua, một nụ hoa mới chớm nở, làn sương còn ẩm ướt.
- C. Những thanh âm lạnh lớt trong veo, trầm đục, nức nở,...của cuộc sống.
- D. Những đóa hoa cúc vừa hái về tỏa sáng trên chiếc bình gốm sẫm màu.

Câu 5. Nhận xét nào đúng về nhịp điệu của bài thơ?

- A. Nhịp điệu nhanh, gấp gáp
- B. Nhịp điệu linh hoạt, biến hóa
- C. Nhịp điệu khoan thai, chậm rãi
- D. Nhịp điệu sôi nổi, dứt khoát

Câu 6. Đây KHÔNG phải là chủ đề tư tưởng của bài thơ?

- A. Khát khao giao hòa với thế giới, góp phần kiến tạo thế giới
- B. Tình yêu với thiên nhiên, trân trọng vẻ đẹp của tự nhiên
- C. Khát vọng được tham dự vào quá trình sáng tạo sự sống
- D. Ước nguyện được hiến dâng, hi sinh cho cuộc đời và sự sống

Bài 2. Đọc văn bản sau và thực hiện theo yêu cầu từ 7 đến 11:

Có lần thần Đi-ô-ni-dốt hiện ra, cho vua Mi-đát được ước một điều. Mi-đát vốn tham lam nên nói ngay:

- Xin Thần cho mọi vật tôi chạm đến đều hóa thành vàng!

Thần Đi-ô-ni-dốt mỉm cười ưng thuận.

Vua Mi-đát thử bẻ một cành sồi, cành đó liền biến thành vàng. Vua ngắt một quả táo, quả táo cũng thành vàng nốt. Tưởng không có ai trên đời sung sướng hơn thế nữa!

Bọn đầy tớ dọn thức ăn cho Mi-đát. Nhà vua sung sướng ngồi vào bàn. Và lúc đó ông mới biết mình đã xin một điều ước khủng khiếp. Các thức ăn, thức uống khi vua chạm tay vào đều biến thành vàng. Mi-đát bụng đói cồn cào, chịu không nổi, liền chấp tay cầu khẩn:

- Xin Thần tha tội cho tôi! Xin Người lấy lại điều ước để cho tôi được sống!
Thần Đi-ô-ni-dốt liền hiện ra và phán:

- Nhà ngươi hãy đến sông Pác-tôn, nhúng mình vào dòng nước, phép màu sẽ biến mất và nhà ngươi sẽ rửa sạch được lòng tham.

Mi-đát làm theo lời dạy của thần, quả nhiên thoát khỏi cái quà tặng mà trước đây ông hằng mong ước. Lúc ấy, nhà vua mới hiểu rằng hạnh phúc không thể xây dựng bằng ước muốn tham lam.

(Điều ước của vua Mi-đát, trích Thần thoại Hi Lạp, Nhữ Thành dịch)

Câu 7. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên?

- | | |
|--------------|----------------|
| A. Biểu cảm | C. Tự sự |
| B. Nghị luận | D. Thuyết minh |

Câu 8. Nhân vật chính trong văn bản trên là:

- A. bọn đầy tớ
- B. sông Pác-tôn
- C. vua Mi-đát
- D. thần Đi-ô-ni-dốt

Câu 9. Nhận định nào sau đây đúng về văn bản trên?

- A. Văn bản được kể theo ngôi thứ nhất
- B. Văn bản được kể theo ngôi thứ ba
- C. Văn bản được kể theo lời kể nửa trực tiếp
- D. Văn bản được kể theo trật tự đảo thời gian

Câu 10. Đâu là chi tiết kì ảo xuất hiện trong văn bản?

- A. Bọn đầy tớ dọn thức ăn cho Mi-đát, ông sung sướng ngồi vào bàn.
- B. Các thức ăn, thức uống khi vua chạm tay vào đều biến thành vàng.
- C. Nhà vua bụng đói cồn cào, không chịu nổi cơn đói của bản thân mình
- D. Mi-đát hiểu được hạnh phúc không thể xây dựng bằng ước muốn tham lam.

Câu 11. Nhận xét nào sau đây đúng về tính cách, con người Thần Đi-ô-ni-dốt?

- A. Vị thần mạnh mẽ, có sức khỏe phi thường
- B. Vị thần tham lam, ngu dốt và dễ tin người
- C. Vị thần khôn ngoan, trí tuệ, sáng suốt
- D. Vị thần nhu nhược, dễ tính, dễ xúc động

Bài 3. Đọc văn bản sau và thực hiện theo yêu cầu từ 12 đến 14:

*Chuyện kể rằng: em cô gái mở đường
Để cứu con đường đêm ấy khỏi bị thương
Cho đoàn xe kịp giờ ra trận
Em đã lấy tình yêu tổ quốc của mình **thấp** lên ngọn lửa
Đánh lạc hướng thù. Hứng lấy luồng bom...*

(Khoảng trời, hồ bom, Lâm Thị Mỹ Dạ, SGK 10 tập 1, Bộ sách Cánh Diều)

Câu 12. Từ “thấp” trong đoạn trích được tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào?

- A. Ẩn dụ
- B. Hoán dụ
- C. Nhân hóa
- D. So sánh

Câu 13. Nhân vật “em” trong bài thơ trữ tình trên là ai?

- A. Lái xe vận tải
- B. Bộ đội giải phóng
- C. Cô gái dân công hỏa tuyến
- D. Nữ thanh niên xung phong

Câu 14. Từ “thấp” trong câu thơ trên khác nghĩa với từ “thấp” trong dòng thơ nào dưới đây?

- A. *Mỗi trang báo – trái tim hồng **thấp** lửa*
Tin tức kịp thời nhưng không vội vã
(Trái tim hồng thấp lửa, Nguyễn Ruyên,
giaoducthoidai.giaoducthudo.vn)
- B. *Quả cà chua như cái đèn lồng nhỏ xíu*
***Thấp** mùa đông ấm những đêm thâu*
(Lửa đèn, Phạm Tiến Duật, thivien.net)
- C. *Ta lại đi, ơi thuyền ta lại*
***Thấp** những ngọn đèn biển*
(Bài ca thấp đèn biển, Huy Cận, thivien.net)
- D. *Về thăm quê Bác làng sen*

Có hàng râm bụt **thấp** lên lửa hồng

(Về thăm nhà Bác, Nguyễn Đức Mậu, thivien.net)

Câu 15. Câu thơ nào nói lên sự hi sinh anh dũng của nhân vật “em”?

- A. Cho đoàn xe kịp giờ ra trận
- B. Để cứu con đường đêm ấy khỏi bị thương
- C. Đánh lạc hướng thù. Hứng lấy luồng bom...
- D. Em đã lấy tình yêu tổ quốc của mình thấp lên ngọn lửa

Bài 4. Đọc văn bản sau và thực hiện theo yêu cầu từ 16 đến 18:

[...] (1) Tôi đã không muốn nghĩ đến cuốn sách từ lâu. (2) Nhưng huyền thoại đồng bào thì luôn khiến tôi không ngừng suy nghĩ. (3) Nó quá đẹp, quá vĩ đại, quá nhân nghĩa và quá mọi sức tưởng tượng về bài học gắn bó máu thịt của tha nhân để cùng sinh tồn? (4) Còn gì đẹp và an lòng hơn khi tất cả chúng ta, những kẻ đang sinh sống, hạnh phúc và đau khổ trên mảnh đất này đều chui ra từ một cái bào thai, của người Mẹ nguyên thủy, một thánh Mẫu! (5) Chúng ta có chung một sự xuất phát của sự che chở. (6) Chúng ta có chung một điểm xuất phát của Người Mẹ Lớn bao bọc, sinh thành bằng cuộc trở dạ long trời lở đất (thực chất là một Big Bang thu nhỏ của riêng người Việt), được mẹ nuôi nấng, chăm sóc, lo lắng cho từng bước đi đầu tiên đến lúc trưởng thành.

(Theo Tạ Duy Anh, *Viết và đọc*, Chuyên đề mùa xuân 2020, nhiều tác giả-NXB Hội nhà văn)

Câu 16. Câu văn *Chúng ta có chung một điểm xuất phát của Người Mẹ Lớn bao bọc, sinh thành bằng cuộc trở dạ long trời lở đất (thực chất là một Big Bang thu nhỏ của riêng người Việt), được mẹ nuôi nấng, chăm sóc, lo lắng cho từng bước đi đầu tiên đến lúc trưởng thành là:*

- A. luận đề của đoạn trích
- B. lí lẽ của đoạn trích
- C. dẫn chứng của đoạn trích
- D. luận điểm của đoạn trích

Câu 17. Khoanh tròn vào đáp án đúng với những nhận định dưới đây?

- A. Câu (5) là lí lẽ của đoạn trích
- B. Câu (5) là luận đề của đoạn trích
- C. Câu (5) là luận điểm của đoạn trích
- D. Câu (5) là bằng chứng của đoạn trích

Câu 18. Câu văn nào có sử dụng yếu tố biểu cảm trong đoạn trích?

- A. Câu (1)
- B. Câu (2)
- C. Câu (3)
- D. Câu (5)

Bài 5. Đọc ngữ liệu sau và thực hiện theo yêu cầu 19:

Ái nữ Trần Thị Quỳnh Ngọc là con gái của doanh nhân quá cố Trần Văn Cường và chủ tịch tập đoàn Nam Cường Lê Thị Thúy Nga

(Trích báo vienamnet.vn, ngày 20/2/2015, bài *Nữ tiểu thư nổi tiếng nhà đại gia bậc nhất Việt Nam*)

Câu 19. Câu trên mắc lỗi sai nào dưới đây?

- A. Lỗi lặp từ
- B. Lỗi về trật tự từ
- C. Dùng từ không đúng nghĩa
- D. Dùng từ không đúng phong cách

Bài 6. Đọc ngữ liệu sau và thực hiện theo yêu cầu 20:

Khiếp sợ nhất vẫn là những người dân lưu hành trên con đường lúc cơn dông xảy ra.

(Trích từ báo Vietnamnet.vn, ngày 14/6/2015, bài *Thốt tim kể chuyện dông lốc khiến Hà Nội tan hoang*)

Câu 20. Thay từ nào dưới đây vào từ gạch chân viết sai trong câu trên?

- A. Lưu ký
- B. Lưu chuyển
- C. Lưu thông
- D. Lưu trú

1.3. Đáp án:

1. A	2. B	3. D	4. D	5. B
6. D	7. C	8. C	9. B	10. B
11. C	12. A	13. D	14. C	15. C
16. C	17. A	18. C	19. A	20. C

IV. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Đánh giá chung

Qua thời gian thực hiện đề tài cho thấy:

- Trong các tình huống kiểm tra, HS đã rất tích cực, hứng thú.
- HS tự tin trong khi làm bài kiểm tra.
- GV được tiếp cận nhiều quan điểm đánh giá từ người học.

- Kết quả kiểm tra chân thực, khách quan, phản ánh đúng năng lực đọc hiểu và các kỹ năng kết nối thông tin.

- HS có thể tự đánh giá năng lực của bản thân và đánh giá lẫn nhau trong quá trình học tập.

2. Kết quả cụ thể (Đặt ở phần phụ lục)

3. Bài học kinh nghiệm.

Sau thời gian áp dụng đề tài này, bản thân rút ra một vài kinh nghiệm sau:

- GV phải không ngừng đổi mới trong dạy học và cả trong kiểm tra - đánh giá.

- GV phải nhận thức được rằng: Đọc hiểu là một lĩnh vực hoạt động rộng lớn, đa chiều, phức tạp... cho nên cần chú trọng rèn luyện kỹ năng đọc hiểu kết hợp kiểm tra, đánh giá cho HS.

- Việc kiểm tra năng lực Đọc hiểu cho HS muốn đạt được hiệu quả, đảm bảo tính chính xác, công bằng, khách quan, đánh giá đúng được năng lực của người học. Muốn đạt được điều đó, GV công phu trong việc chọn ngữ liệu đến xây dựng ma trận, câu hỏi, đáp án.

- Việc sử dụng ngôn ngữ cũng như chọn ngữ liệu hay để xây dựng câu hỏi là điều quan trọng.

- Việc vận dụng cách đánh giá của PISA vào kiểm tra lĩnh vực đọc hiểu có thể đánh giá trên diện rộng ngoài phạm vi của lớp học, hạn chế tính chủ quan trong trong đánh giá kết quả học tập của HS

PHẦN C. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Đề tài “**VẬN DỤNG KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM CỦA PISA VÀO ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU MÔN NGỮ VĂN LỚP 10 THPT**” được xuất phát từ tính cấp thiết đối mới kiểm tra - đánh giá trong công tác dạy học hiện nay ở mọi cấp học, bậc học. Ở đối tượng HS lớp 10 - đang ở độ tuổi đối diện với những kì Đánh giá năng lực đang ngày càng phổ biến những năm gần đây thì đề tài nhiều mang lại hiệu quả tích cực.

Dưới đây là bảng số liệu minh chứng trước và sau khi thực hiện đề tài:

1. Kết quả khảo sát các lớp khi chưa thực hiện đề tài:

1.1. Về tinh thần, thái độ học tập

STT	Lớp	Số sĩ	Hứng thú học		Chưa hứng thú học		Hiểu bài		Không hiểu bài	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	10A11 Đối chứng	47	29	61,7	18	38,3	30	65,2	17	34,8
2	10A9 Thực nghiệm	46	30	65,2	16	34,8	30	66,7	16	33,3

Qua bảng trên:

- Số lượng HS hứng thú học môn Ngữ văn chưa được như kì vọng của người dạy khi nhận lớp. Điều đó dẫn đến kết quả HS không hiểu bài chiếm khoảng trên 30% là tỉ lệ khá cao, cả lớp thực nghiệm và lớp đối chứng đều có tỉ lệ mức độ không hiểu bài tương đương nhau.

1.2. Kết quả kiểm tra thường xuyên trước khi thực hiện đề tài:

TT	Lớp	Số sĩ	Điểm dưới 5		Điểm 5 - 6		Điểm 7 - 8		Điểm 9 – 10	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	10A11 Đối chứng	47	16	34	26	55,4	05	10,6	0	0
2	10A9 Thực nghiệm	46	14	30,4	25	54,4	07	15,2	0	0

Quan sát bảng trên cho thấy: Khi chưa thực hiện đề tài, kết quả điểm dưới 5 chiếm tỉ lệ trên 20%; điểm đạt 7 - 8 cũng ngang nhau, thậm chí ở cả 2 lớp điểm đạt khá đều ít hơn điểm dưới 5.

Trên cơ sở các khảo sát trên, tôi tiến hành thực hiện việc vận dụng cách đánh giá của PISA vào kiểm tra một số bài kiểm tra ở lớp 10A9 trong năm học 2023 - 2024.

2. Kết quả khảo sát các lớp sau thực hiện đề tài:

3. 1.1. Về tinh thần, thái độ học tập

ST T	Lớp	Sĩ số	Hứng thú học		Chưa hứng thú học		Hiểu bài		Không hiểu bài	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	10A11 Đôi chứng	47	29	61,7	18	38,3	30	65,2	17	34,8
2	10A9 Thực nghiệm	46	42	91,3	4	8,7	39	84,8	7	15,2

Qua bảng trên:

- Số lượng HS hứng thú học môn Ngữ văn lớp thực nghiệm đã được nâng lên rõ rệt. Mức độ hứng thú khi làm bài TNKQ trên 90%. Bên cạnh đó mức độ hiểu bài cũng tăng 18,1%

2.1. Kết quả bài kiểm tra thường xuyên:

TT	Lớp	Sĩ số	Điểm dưới 5		Điểm 5 - 6		Điểm 7 - 8		Điểm 9 – 10	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	10A11 Đôi chứng	47	04	8,5	35	74,5	08	17	0	0
2	10A9 Thực nghiệm	46	0	0,0	26	56,5	15	32,6	05	10,9

Nhìn vào bảng so sánh, ta thấy: Tỉ lệ kết quả kiểm tra của HS lớp đôi chứng ở mức thấp, trong khi đó, lớp thực nghiệm tiến bộ hơn khá nhiều, cụ thể: Số điểm

dưới 5 thấp hơn; đã đạt được điểm giỏi (điểm 9) và xuất hiện nhiều điểm 7 - 8 (tăng 23,8%) so với khảo sát trước đó.

Như vậy, qua kiểm tra, đánh giá một số bài kiểm tra đánh giá thường xuyên trên lớp học kì I, năm học 2022 - 2023 và 2023 - 2024, bản thân người thực hiện đề tài nhận thấy: HS lớp thực nghiệm không chỉ tích cực trong học tập mà còn tiến bộ rõ rệt về điểm số. Trên tất cả, điều đạt được lớn nhất là GV trang bị cho HS kĩ năng đọc hiểu văn bản, tư duy tìm tòi, tích cực thực hành đề thử nghiệm đánh giá năng lực cũng như tự tin tham dự một số kì ĐGNL do các trường ĐH tổ chức; HS không chỉ biết kết quả một chiều mà thậm chí còn được đối chiếu với những tiêu chí cần đạt mà GV xây dựng, đưa cho HS tham khảo.

Với những kết quả mang lại từ việc thực nghiệm đề tài, người thực hiện có nhiều động lực tìm tòi, nghiên cứu, vận dụng việc đổi mới phương pháp liên quan tới chuyên môn trong những năm tiếp theo.

II. KHUYẾN NGHỊ

Sau khi hoàn thành đề tài, Tôi có vài ý kiến khuyến nghị sau:

- Các cấp quản lí chuyên môn cần tiếp tục chỉ đạo sát sao việc dạy học, kiểm tra, đánh giá của giáo viên theo yêu cầu đổi mới hiện thời.
- Tăng cường cử cán bộ giáo viên nghiêm túc tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ, Sở tổ chức để từ đó tập huấn lại cho đội ngũ giáo viên tại đơn vị.
- Lãnh đạo đơn vị quan tâm hơn nữa việc sinh hoạt các tổ, nhóm chuyên môn, hỗ trợ cơ sở vật chất trong các hoạt động chuyên môn để việc đổi mới ngày càng hiệu quả không chỉ về phương pháp dạy học mà còn cả trong kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của HS.

Đề tài còn có thể có một số hạn chế, tôi mong muốn nhận được sự góp ý của lãnh đạo, đồng chí và các đồng nghiệp để tiếp tục hoàn thiện hơn.

Tác giả chân thành cảm ơn!

Người thực hiện đề tài



Dinh Thị Giang

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ***Nghị quyết số 29- NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa 13 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.***
2. Cuốn ***PISA và các dạng câu hỏi do OECD phát hành công cộng lĩnh vực đọc hiểu*** (Tài liệu dùng cho Cán bộ quản lý, Giáo viên Việt Nam, Hà Nội – Tháng 4 năm 2017).
3. Tài liệu ***Tập huấn dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh***, 2014.
4. Công văn 5512/BGDĐT - GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020; Công văn 4040/BGDĐT - GDTrH ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào Tạo.
5. Nguyễn Quốc An (2006), ***Tài liệu tham khảo dạy học sáng tạo, tích cực***, Nxb. Giáo dục, Hà Nội
6. Trần Văn Báo (2009), ***Một số lưu ý dạy học ngữ văn trong nhà trường***, Nxb. Giáo dục
7. Lê Ngọc Minh Ban (2017), ***Giáo dục sáng tạo trong bối cảnh đổi mới hiện nay***, Nxb. Giáo dục, Hà Nội
8. Nguyễn Duy Chính (2005), ***Vai trò của người giáo viên trong việc phát triển năng lực người học***, Nxb. Giáo dục, Hà Nội
9. Nguyễn Tiến Đạt (2008), ***Giáo dục trong bối cảnh mới***, Nxb. Giáo dục, Hà Nội
10. Sách giáo khoa Ngữ văn 10 bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, bộ sách cánh Diều.

PHỤ LỤC

Phiếu khảo sát số 1 (Dùng trước khi tiến hành vận dụng sáng kiến kinh nghiệm)

Họ và tên học sinh:

Học sinh lớp:; Trường:

Rất mong mỗi sự tham gia của các em học sinh. Các em có thể trả lời các câu hỏi dưới đây:

1. *Tinh thần, thái độ của em đối với môn học Ngữ văn*

Thái độ của học sinh	Điền dấu (x) vào lựa chọn
Hứng thú học	
Chưa hứng thú học	
Hiểu bài	
Không hiểu bài	

3. *Kết quả bài kiểm tra thường xuyên*

Khả năng của học sinh	Điền dấu (x) vào lựa chọn
Điểm dưới 5	
Điểm 5-6	
Điểm 7-8	
Điểm 9	
Điểm 10	

Phiếu khảo sát số 2 (Dùng sau khi tiến hành vận dụng sáng kiến kinh nghiệm):

Họ và tên học sinh:

Học sinh lớp:; Trường:

Rất mong mỗi sự tham gia của các em học sinh. Các em có thể trả lời các câu hỏi dưới đây:

1. *Tinh thần, thái độ của em đối với môn học Ngữ văn*

Thái độ của học sinh	Điền dấu (x) vào lựa chọn
Hứng thú học	
Chưa hứng thú học	
Hiểu bài	
Không hiểu bài	

3. *Kết quả bài kiểm tra thường xuyên*

Khả năng của học sinh	Điền dấu (x) vào lựa chọn
Điểm dưới 5	
Điểm 5-6	
Điểm 7-8	
Điểm 9	
Điểm 10	

Phiếu số 3 (Dùng cho giáo viên và chuyên gia giáo dục)

Họ và tên thầy (cô):

Chuyên môn:; Đơn vị: THPT.....

Kính mong thầy cô hỗ trợ và giúp đỡ, bằng cách trả lời câu hỏi sau:

Câu 1: Thầy (cô) thấy sáng kiến này có khả thi đối với nơi thầy cô công tác không?

	Rất khả thi	Khả thi	Không khả thi
Đánh dấu x vào ô trống			

Câu 2: Thầy cô thấy sáng kiến có thể áp dụng trong phạm vi nào?

	Phạm vi trong lớp học	Phạm vi các khối học	Phạm vi toàn trường	Phạm vi ngoài đơn vị trường THPT Hợp Thanh
Đánh dấu x vào lựa chọn				